

Bản án số: 80/2022/HS-PT

Ngày: 27-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khắc Thịnh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

Ông Phạm Minh Tùng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Mỹ Hương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**
Bà Lưu Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 16/2023/TLPT-HS ngày 01 tháng 02 năm 2023. đối với bị cáo Lương Phước T và các đồng phạm. Do có kháng cáo của bị cáo Lương Phước T, Nguyễn Kim P, Trần Thị Bé N, Huỳnh Kim L, Huỳnh Thanh T1, Trần Văn T2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 47/2022/HS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố S.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: Lương Phước T, sinh năm 1985; Tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Số I, ấp T, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: V; Con ông: Lương Văn K, sinh 1953 và bà Lê Thị S, sinh năm 1954; Vợ: Nguyễn Thị Kiều T3, sinh năm 1993 (đã ly hôn); Con: có 01 con tên Lương Xuân N1, sinh năm 2011; Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 19/10/2007 bị Tòa án nhân dân thị xã Sa Đéc (nay là thành phố S) xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 04/12/2007; Ngày 14/3/2013 bị Tòa án nhân dân thị xã Sa Đéc (nay là thành phố S) xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 24/4/2013, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 06/8/2018; Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Kim P, sinh năm 1970; Tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Số I, ấp T, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp:

Buôn bán; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: **V**; Con ông: **Nguyễn Văn Đ**, sinh 1933 (chết) và bà **Mai Thị S1**, sinh 1934 (chết); Chồng: **Lương Ngọc H**, sinh năm 1969; Con: có 01 con tên **Lương Ngọc P1**, sinh năm 1992; Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 10/11/2010 bị Tòa án nhân dân thị xã Sa Đéc (nay là **thành phố S**) xử phạt 06 tháng 06 ngày tù về tội “Đánh bạc”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/11/2010, thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 07/01/2011, hình phạt bổ sung được xét miễn nghĩa vụ thi hành án vào ngày 03/01/2019; Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Trần Thị Bé N**, sinh năm 1983; Tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: **Số I, ấp T, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp**; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: **V**; Con ông: **Trần Văn B**, sinh năm 1953 (chết) và bà **Nguyễn Thị P2**, sinh năm 1956; Chồng: **Đặng Văn U**, sinh năm 1970; Con: có 02 người, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2008; Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 10/11/2010 bị Tòa án nhân dân thị xã Sa Đéc (nay là **thành phố S**) xử phạt 06 tháng 15 ngày tù về tội “Đánh bạc”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/9/2011, thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 05/01/2016, hình phạt bổ sung được xét miễn nghĩa vụ thi hành án vào ngày 03/01/2019; Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Huỳnh Kim L**, sinh năm 1969; Tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: **Số A, ấp T, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp**; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: **V**; Con ông: **Huỳnh Văn S2**, sinh 1945 và bà **Đỗ Kim H1**, sinh 1950; Chồng: **Phan Văn H2**, sinh năm 1969; Con: có 01 con tên **Phan Thị Hồng L1**, sinh năm 1994; Tiền sự, tiền án: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Huỳnh Thanh T1**, sinh năm 1989; Tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: **Số A, ấp T, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp**; Nghề nghiệp: Trồng hoa kiểng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: **V**; Con ông: **Huỳnh Văn N2**, sinh năm 1953 và bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1951; Vợ: **Võ Thị Ngọc V**, sinh năm 1993 (đã ly hôn); Con: có 01 con tên **Huỳnh Thanh T4**, sinh năm 2013; Tiền sự, tiền án: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Trần Văn T2**, sinh năm 1975; Tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: **Số A, ấp T, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp**; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: **V**; Con ông: **Trần Hồng L2**, sinh năm 1952 và bà **Huỳnh Thị T5**, sinh 1953; Vợ: **Lê Thị Đ1**, sinh năm 1976 (đã ly hôn); Con: có 02 người, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2004; Tiền sự, tiền án: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 14/4/2022, Lương Phước T, Trần Văn T2, Huỳnh Kim L lần lượt đến quán nước giải khát tại số I, ấp T, xã T, thành phố S để uống nước thì thấy tại bãi đất trống gần quán, trước hộ số I, ấp T, xã T, thành phố S có 02 chiếc chiếu lát và nhiều bộ bài tây loại 52 lá (không rõ của ai để sẵn), nên T, T2, L cùng thống nhất đến bãi đất trống và sử dụng bài có sẵn để đánh bạc ăn thua bằng tiền với nhau. Lúc này, Nguyễn Kim P, Huỳnh Thanh T1, Trần Thị B1 Năm đi ngang qua thì nhìn thấy có đánh bài nên vào tham gia. Hình thức là đánh bài ngẫu ngằm mỗi tụ 05 lá, T là người làm cái những người còn lại đặt tụ, mỗi người đặt cược thấp nhất là 50.000 đồng, cao nhất là 200.000 đồng/ván bài. Đến 12 giờ 30 phút cùng ngày 14/4/2022, khi T đang làm chủ cái, những người còn lại đặt cược gồm: P, Bé Năm mỗi người 50.000 đồng, T2 100.000 đồng, T1, L mỗi người 200.000 đồng thì bị lực lượng Công an thành phố S phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ tang vật chứng như sau:

- Tại chiếu bạc thu giữ gồm: 51 lá bài tây đã qua sử dụng; 05 bộ bài tây chưa qua sử dụng; 02 chiếc chiếu lát màu đỏ, vàng, xanh; Số tiền: 15.400.000 đồng. Trong đó: Thuận 13.200.000 đồng; Bé Năm 100.000 đồng; Thỏ 200.000 đồng; Phượng 100.000 đồng; T1 800.000 đồng; Loan 200.000 đồng; Trên chiếu lát: 800.000 đồng.

Ngoài ra, Công an còn thu giữ các đồ vật tài sản khác ngoài chiếu bạc của những người gồm: T: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh đen; P: 38.000 đồng; L: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen và số tiền 6.772.000 đồng; T1: 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh và 01 xe mô tô biển số 66F5-4079; Thỏ: 3.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu xanh và 01 xe mô tô biển số 66P1-144.54.

Quá trình điều tra xác định số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc như sau: T: 13.200.000 đồng; Bé Năm: 100.000 đồng; Thỏ: 200.000 đồng; P: 100.000 đồng; T1: 800.000 đồng; L: 972.000 đồng (trên chiếc bạc 200.000đ và trên người 772.000đ); Trên chiếu bạc 800.000 đồng không rõ của ai. Tổng cộng là 16.172.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 47/2022/HS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố S đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Các bị cáo Lương Phước T, Nguyễn Kim P, Trần Thị B1 Năm phạm tội “Đánh bạc”

+ Xử phạt: Bị cáo Lương Phước T mức án 01 năm tù (Một năm tù). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Kim P mức án 09 tháng tù (*Chín tháng tù*). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

+ Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Bé N mức án 09 tháng tù (*Chín tháng tù*). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Các bị cáo Huỳnh Kim L, Huỳnh Thanh T1, Trần Văn T2 phạm tội “Đánh bạc”

+ Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Kim L mức án 07 tháng tù (*Bảy tháng tù*). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

+ Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Thanh T1 mức án 07 tháng tù (*Bảy tháng tù*). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

+ Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T2 mức án 06 tháng tù (*Sáu tháng tù*). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự:

- Buộc bị cáo: Lương Phước T nộp 15.000.000 đồng tiền phạt sung quỹ Nhà nước.

- Buộc các bị cáo: Nguyễn Kim P, Trần Thị Bé N, Huỳnh Kim L, Huỳnh Thanh T1, Trần Văn T2 mỗi bị cáo nộp 10.000.000 đồng tiền phạt sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Từ ngày 28, 29 tháng 11 và ngày 01 tháng 12 năm 2022, các bị cáo Lương Phước T, Trần Thị Bé N, Huỳnh Kim L, Huỳnh Thanh T1, Trần Văn T2 có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; Bị cáo Nguyễn Kim P có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo và xin miễn hình phạt bổ sung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Hành vi của các bị cáo Lương Phước T, Nguyễn Kim P, Trần Thị Bé N, Huỳnh Kim L, Huỳnh Thanh T1, Trần Văn T2 bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; riêng bị cáo P giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo và miễn hình phạt bổ sung nhưng các bị cáo không cung cấp được tình tiết nào mới ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà án sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lương Phước T, Nguyễn Kim P, Trần Thị Bé N, Huỳnh Kim L, Huỳnh Thanh T1, Trần Văn T2, giữ nguyên phần Quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt chính và hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin được hưởng án treo để có điều kiện chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Lương Phước T, Nguyễn Kim P, Trần Thị Bé N, Huỳnh Kim L, Huỳnh Thanh T1 và Trần Văn T2 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai những người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang được lập lúc 12 giờ 30 phút ngày 14/4/2022 của Công an thành phố Sa Đéc cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Vào lúc 12 giờ 30 phút ngày 14/4/2022 tại bãi đất trống trước hộ số I, ấp T, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp, Lương Phước T, Nguyễn Kim P, Trần Thị Bé N, Huỳnh Kim L, Huỳnh Thanh T1, Trần Văn T2 cùng nhau đánh bạc trái phép ăn thua thua bằng tiền thì bị bắt quả tang, tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 16.172.000 đồng.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo Lương Phước T, Nguyễn Kim P, Trần Thị Bé N, Huỳnh Kim L, Huỳnh Thanh T1 và Trần Văn T2 tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh bài ngẫu ngẫu mỗi tụ 05 lá ăn thua bằng tiền; T làm cái còn các bị cáo còn lại đặt tụ, tụ đặt thấp nhất là 50.000 đồng và tụ đặt cao nhất là 200.000 đồng; tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 16.172.000 đồng. Do đó, đã đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Lương Phước T, Nguyễn Kim P, Trần Thị Bé N, Huỳnh Kim L, Huỳnh Thanh T1 và Trần Văn T2 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, đã có cân nhắc, xem xét về nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; riêng bị cáo P còn xin miễn hình phạt bổ sung nhưng các bị cáo không cung cấp được tình tiết nào mới ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà án sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lương Phước T, Nguyễn Kim P, Trần Thị Bé N, Huỳnh Kim L, Huỳnh Thanh T1 và Trần Văn T2, giữ nguyên phần Quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt chính và hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo Lương Phước T, Nguyễn Kim P, Trần Thị Bé N, Huỳnh Kim L, Huỳnh Thanh T1, Trần Văn T2 là hoàn toàn phù hợp nên chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;
Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo Lương Phước T, Trần Thị Bé N, Huỳnh Kim L, Huỳnh Thanh T1, Trần Văn T2.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo và xin miễn hình phạt bổ sung của bị cáo Nguyễn Kim P.

Giữ nguyên phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt chính và hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lương Phước T, Nguyễn Kim P, Trần Thị Bé N, Huỳnh Kim L, Huỳnh Thanh T1, Trần Văn T2.

2. Tuyên bố các bị cáo Lương Phước T, Nguyễn Kim P, Trần Thị Bé N, Huỳnh Kim L, Huỳnh Thanh T1 và Trần Văn T2 cùng phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt: Bị cáo Lương Phước T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Kim P 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

+ Xử phạt: Bị cáo Trần Thị B1 Năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Kim L 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

+ Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Thanh T1 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

+ Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T2 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự:

+ Buộc bị cáo: Lương Phước T nộp 15.000.000 đồng tiền phạt sung quỹ Nhà nước.

+ Buộc các bị cáo: Nguyễn Kim P, Trần Thị Bé N, Huỳnh Kim L, Huỳnh Thanh T1, Trần Văn T2 mỗi bị cáo nộp 10.000.000 đồng tiền phạt sung quỹ Nhà nước.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Các bị cáo Lương Phước T, Nguyễn Kim P, Trần Thị Bé N, Huỳnh Kim L, Huỳnh Thanh T1, Trần Văn T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GDKT 1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND thành phố Sa Đéc (12 bản);
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS thành phố Sa Đéc;
- CQCSĐT CA thành phố Sa Đéc;
- CQTHAHS Công an Tỉnh;
- CQTHAHS CA thành phố Sa Đéc;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CAT;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA Tòa án Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu VT, HSVA, (Nhật Minh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Khắc Thịnh